

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 218/2022/HS-ST

Ngày: 26/5/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị B

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn C

Bà Nguyễn Thị Kim C

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Quốc B- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Ông: Trương Kim Q- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 178/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Duy P; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1983; Nơi sinh: tỉnh Đ.

Nơi cư trú: 75/2, khu phố 8A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12.

Họ và tên cha: Nguyễn Văn H (đã chết);

Họ và tên mẹ: Trần Thị T, sinh năm 1959 (Còn sống);

Bị can là con duy nhất trong gia đình và chưa có vợ, con.

Tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 03/3/2021 bị Công an thành phố B xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) về hành vi trộm cắp tài sản, chưa đóng phạt.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/8/2021, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 1024, ngày 26/8/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Đ. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Anh Nguyễn Thái B, sinh năm: 1985. Địa chỉ: tổ 1, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đ (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Duy P là người đã có tiền sự về tội “Trộm cắp tài sản”. Để có tiền tiêu xài, P và Lương Văn K, sinh năm 1990, trú tại: Thôn Hh, xã T, huyện T, thành phố H đã rủ nhau đi đến phường T, thành phố B, tỉnh Đ xem có ai sơ hở trong việc quản lý tài sản thì trộm cắp. Vào khoảng 7 giờ 00 phút ngày 17/8/2021, cả hai đi bộ đến trước nhà số 10/2 thuộc tổ 1, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đ thì phát hiện có 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Citi, màu nâu, biển số 60Y4-6951 cấm sắn chìa khóa của anh Nguyễn Thái B, sinh năm 1985, trú tại tổ 1, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đ đang dựng phía trước nhà. Thấy vậy, P đứng cảnh giới, còn Khương đi vào nổ máy, điều khiển xe chạy ra chỗ P bỏ chạy. Nghe tiếng nổ máy xe mô tô, anh B chạy ra truy hô thì được một người đi đường (không rõ họ tên, địa chỉ) hỗ trợ chở anh B đuổi theo K và P nhưng không đuổi kịp nên anh B quay về. Khoảng 20 phút sau có 01 (một) thanh niên chạy xe công nghệ (Grab) (không rõ họ tên, địa chỉ) bắt được K, giao K cùng xe mô tô cho anh B, còn P nhảy xuống xe bỏ chạy vào khu công nghiệp B 2 thì bị anh Phan Văn T, sinh năm 1969, trú tại: tổ 8C, khu phố 12, phường An, thành phố B và anh Lê Văn N, sinh năm 1994, thường trú: Ấp P, xã L, thành phố B bắt được giao cho Cơ quan Công an để điều tra xử lý. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, P và K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng thu giữ:

-01 (một) xe mô tô biển số 60Y4-6951 thuộc sở hữu của anh Nguyễn Thái B nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho anh Bình theo quy định pháp luật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 378/KL-HDD ĐGTS ngày 18/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 (một) xe mô tô biển số 60Y4-6951 có trị giá 1.500.000 đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại anh Nguyễn Thái B đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường.

Cáo trạng số 199/CT-VKSBH ngày 18/4/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Duy P. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo P từ 10 tháng đến 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

+Về xử lý vật chứng:

-01 (một) xe mô tô biển số 60Y4-6951 thuộc sở hữu của anh Nguyễn Thái B nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho anh Bình theo quy định pháp luật, anh Bình không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Duy P thừa nhận toàn bộ nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố và việc truy tố là hoàn toàn đúng. Bị cáo đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Nguyễn Duy P không có ý kiến khiếu nại đối với các quyết định, hành vi của cơ quan, người tiến hành tố tụng cũng như các Kết luận định giá tài sản số 378/KL-HĐĐGTS ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B.

Bị cáo nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và bị cáo cáo hứa với Hội đồng xét xử bị cáo làm ăn lương thiện, không tái phạm nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo không có ý kiến gì và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo P đã thừa nhận: Vào khoảng 07 giờ 00 ngày 17/8/2021, tại nhà số 10/2 thuộc tổ 1, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đ, Nguyễn Duy P và Lương Văn K đã trộm cắp 01 (một) xe mô tô biển số 60Y4-6951, có giá trị là 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) của anh Nguyễn Thái B thì cả hai bị bắt giữ xử lý theo quy định.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai của người bị hại, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đúng như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có sức khỏe, có đầy đủ khả năng nhận thức pháp luật. Biết hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện là thể hiện sự coi thường và bất chấp pháp luật. Do vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo thực hiện, nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt, cũng để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu.

+Về xử lý vật chứng:

-01 (một) xe mô tô biển số 60Y4-6951 thuộc sở hữu của anh Nguyễn Thái B nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho anh B theo quy định pháp luật, anh B không yêu cầu gì thêm.

Đối với Lương Văn K, sinh năm 1990, đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn H, xã T, huyện T, thành phố H là người cùng thực hiện hành vi trộm cắp với Nguyễn Duy P, tài sản trộm cắp giá trị là 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng). Hiện K đã bỏ trốn không làm việc được, qua xác minh tiền án, tiền sự của K, vào ngày 25/5/2021, K bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo K phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và phạt sung công số tiền 1.790.000 đồng (Một triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng), buộc bồi thường cho chị Lê Thị Cẩm H số tiền 5.565.000 đồng (Năm triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), Lê Thái H số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/10/2011. Xác minh tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B về việc đóng án phí và tiền phạt sung công đối với bản án trên thì Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B đã ban hành Quyết định ủy thác thi hành án số: 81 ngày 15/02/2011 cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H để thi hành án (có danh sách gửi kèm Quyết định ủy thác), riêng về phần bồi thường thì kể từ ngày Bản án trên có hiệu lực pháp luật cho đến nay, người được thi hành án không làm đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không làm đơn tự nguyện thi hành án, nên Chi cục Thi hành án không thụ lý và tổ chức thi hành án đối với phần này. Ngày 22/11/2021, Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H trả lời là không tìm thấy hồ sơ thi hành án Lương Văn K. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B chưa làm việc được đối với Lương Văn K, lý do K không có đăng ký hộ khẩu thường trú hay tạm trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Xác minh tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đ xác định gia đình K đã bán nhà cách đây 06 (sáu) năm, đi đâu địa phương không rõ. Ngày 16/3/2022, xác minh tại xã T, huyện T, thành phố H thì K không có mặt tại địa phương, bố mẹ đều đã chết. Tiến hành xác minh đối với các bị hại anh Lê Thái H và chị Lê Thị Cẩm H để làm rõ K đã bồi thường dân sự cho anh H, chị H hay chưa, qua xác minh tại phường T, thành phố B cũng như tại phường B, thành phố L, tỉnh A thì không có ai có họ tên địa chỉ trên. Do đó, chưa đủ căn cứ để xử lý đối với K cần tách ra thụ lý bằng tin báo riêng để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy P phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy P 09 (Chín) tháng 08 (tám) ngày tù, thời gian tính từ ngày 18/8/2021.

Áp dụng khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Nguyễn Duy P ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội khác.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47, 135, 136, 327, 331, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Duy P phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Không.

Về kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Duy P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại anh Nguyễn Thái B (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố B;
- Nhà tạm giữ CA thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị B

